

UBND TỈNH THÁI BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 02/STC-TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 04 tháng 01 năm 2022

V/v: Đăng ký mua sắm tài sản
công theo phương thức tập
trung đợt 1 năm 2022.

Kính gửi: - Các Sở, Ban, Ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Hướng dẫn số 04/HD-STC ngày 31/12/2021 của Sở Tài chính Hướng dẫn mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Để tổ chức thực hiện mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung đợt 1 năm 2022 theo quy định, Sở Tài chính đề nghị các Sở, Ban, Ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (các đơn vị đầu mối) thực hiện một số nội dung cụ thể như sau:

1. Tổ chức thực hiện đăng ký và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đăng ký nhu cầu mua sắm tài sản theo phương thức tập trung theo Mẫu số 01/ĐK/MSTT (được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính tại địa chỉ: <https://sotaichinh.thaibinh.gov.vn/>, mục thông báo) gửi về đơn vị đầu mối để tổng hợp gửi đơn vị mua sắm tập trung của tỉnh.

1.1. Đối với máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Căn cứ nhu cầu và nguồn kinh phí; Căn cứ danh mục, tiêu chuẩn kỹ thuật và giá dự toán tài sản tại Phụ lục số 01, 02, 03, 04 đính kèm để thực hiện đăng ký nhu cầu mua sắm.

Riêng đối với loại máy móc, thiết bị văn phòng chưa được quy định trong danh mục tài sản theo Phụ lục số 01 đính kèm: Căn cứ tiêu chuẩn, định mức và

nhu cầu, nguồn kinh phí để thực hiện đăng ký theo nhu cầu của đơn vị.

1.2. Đối với máy móc, thiết bị trang bị ở các phòng phục vụ hoạt động chung; Máy móc, thiết bị mua sắm thuộc dự án đầu tư xây dựng: Căn cứ nhu cầu sử dụng, thiết kế xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và nguồn kinh phí: Thực hiện đăng ký theo nhu cầu của đơn vị.

1.3. Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình và các văn bản ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức đơn vị; Căn cứ nhu cầu và nguồn kinh phí; Căn cứ danh mục, tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá tài sản tại các Phụ lục đính kèm để thực hiện đăng ký nhu cầu mua sắm.

(Đối với các tài sản có giá dự toán cao hơn hoặc chưa có trong phụ lục 01, 02, 03, 04 thì căn cứ tiêu chuẩn, định mức đăng ký theo nhu cầu của đơn vị)

2. Các đơn vị đầu mỗi tổng hợp nhu cầu đăng ký mua sắm tập trung của các đơn vị trực thuộc và thực hiện đăng ký trực tuyến trên phần mềm quản lý mua sắm tập trung của tỉnh tại địa chỉ: <http://117.4.176.155:8082/>, đồng thời gửi bản đăng ký in trên phần mềm có đóng dấu đỏ về Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính thuộc Sở Tài chính Thái Bình (đơn vị mua sắm tập trung của tỉnh) trước ngày 31/01/2021.

Đơn vị đầu mỗi chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát về nguồn kinh phí thực hiện; tiêu chuẩn, định mức tài sản đăng ký mua sắm tập trung của từng đơn vị trực thuộc.

Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu đăng ký mua sắm của các đơn vị đầu mỗi và tổ chức mua sắm tập trung theo đúng quy định.

3. Các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản thực hiện việc đăng nhập thông tin về Hợp đồng mua sắm tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo tài liệu hướng dẫn sử dụng của Bộ Tài chính.

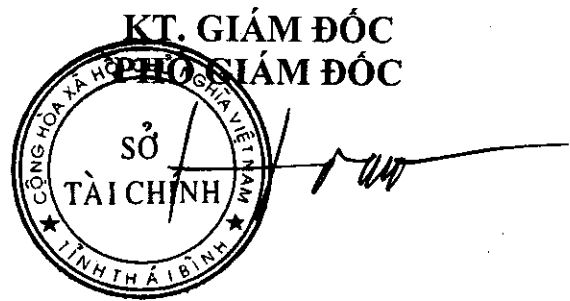
(Mẫu số 01/ĐK/MSTT, 02/TH/MSTT và Phụ lục 01, 02, 03, 04 được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính Thái Bình: <http://sotaichinh.thaibinh.gov.vn/>).

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính - Sở Tài chính để nghiên cứu, giải quyết.

Sở Tài chính đề nghị các Sở, Ban, Ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TT.



Vũ Huy Hoàng

**HƯỚNG DẪN TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VÀ GIÁ DỰ TOÁN
THIẾT BỊ TIN HỌC, MÁY VĂN PHÒNG ĐỢT 1 NĂM 2022**

(Kèm theo công văn số: 02/STC-TT ngày 04/01/2022 của Sở Tài chính)

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá (nghìn đồng)	Đặc tính kỹ thuật cơ bản
A	MÁY VI TÍNH			
I	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN			
1	Máy tính để bàn đồng bộ loại 1	Bộ	10.000	Bộ vi xử lý: Intel® Celeron® G5900 (2 lõi, 2 luồng, 3.4Ghz). Bộ nhớ đệm: 2MB L3 Cache Bộ nhớ RAM 4GB DDR4 Ổ cứng: SSD 120GB Bảng mạch chủ: Intel® H410 Express Chipset Màn hình: LCD LED 21.5" LED Vỏ máy: có Nguồn: 550W Bàn phím USB Chuột USB Hệ điều hành: bản quyền Window 10 home trở lên
2	Máy tính để bàn đồng bộ loại 2	Bộ	12.000	AMD Athlon™ 3000G Processor with Radeon™ Vega 3 Graphics (2 lõi, 4 luồng, 3.5Ghz) Bộ nhớ đệm: 4MB L3 Cache Bộ nhớ RAM: 4GB DDR4 Ổ cứng: SSD 240 Gb Bảng mạch chủ: Chipset AMD A320 Vỏ máy: có Nguồn 550W Màn hình máy tính LED 21.5" Bàn phím USB Chuột USB Hệ điều hành: bản quyền Window 10 home trở lên
3	Máy tính để bàn đồng bộ loại 3	Bộ	13.500	Intel® Pentium® G6400 Processor (2 lõi, 4 luồng , 4.0 GHz) Bộ nhớ đệm: 4Mb Bộ nhớ RAM: 4GB DDR4 Ổ cứng: SSD dung lượng 240GB Bảng mạch chủ: Intel® H470 Express Chipset Vỏ máy: có Nguồn: 550W Màn hình máy tính LED 21.5" Bàn phím USB Chuột USB

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá (nghìn)	Đặc tính kỹ thuật cơ bản
				Hệ điều hành: bản quyền Window 10 home trở lên
4	Máy tính để bàn đồng bộ loại 4	Bộ	15.000	Intel® Core i3 10100 Processor (4 lõi, 8 luồng , 3.6 GHz) Bộ nhớ đệm: 6Mb Bộ nhớ RAM: 4GB DDR4 Ổ cứng: SSD 240GB Bảng mạch chủ: Intel® H470 Express Chipset Vỏ máy: có Nguồn: 550W Màn hình máy tính LED 21.5" Bàn phím USB Chuột USB Hệ điều hành: bản quyền Window 10 home trở lên
5	Máy tính để bàn đồng bộ loại 5 (chuyên dùng)		18.000	Intel® Core i5 10400 Processor (6 lõi, 12 luồng , 2.9 GHz) Bộ nhớ đệm: 12Mb Bộ nhớ RAM: 8GB DDR4 Ổ cứng: SSD 480GB Bảng mạch chủ: Intel® H470 Express Chipset Vỏ máy: có Nguồn: 550W Màn hình máy tính LED 21.5" Bàn phím USB Chuột USB Hệ điều hành: bản quyền Window 10 home trở lên
6	Máy tính để bàn đồng bộ loại 6 (chuyên dùng)	Bộ	23.000	Bộ vi xử lý: Intel® Core i7 10700 Processor (8 lõi, 16 luồng , 2.9 GHz upto 4.8Ghz) Bộ nhớ đệm: 16Mb Bộ nhớ RAM: 8GB DDR4 Ổ cứng: SSD 480GB + HDD 1TB sata 3 Bảng mạch chủ: Intel® H470 Express Chipset Vỏ máy: có Nguồn: 550W Màn hình máy tính LED 21.5" Bàn phím USB Chuột USB Hệ điều hành: bản quyền Window 10 home trở lên
II	MÁY TÍNH XÁCH TAY			
2	Máy tính xách tay loại 1	Chiếc	15.000	Bộ vi xử lý: Intel Core i3-1115G4 (6MB Cache, 1.7GHz, Turbo Boost 4.1GHz), Bộ nhớ RAM: 4GB (1x4GB) DDR4 2666MHz, Ổ cứng: 256GB SSD, Màn hình: 15.6" FHD, Chipset: Sử dụng chipset Intel Hỗ trợ Intel UHD Graphics;

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá (nghìn)	Đặc tính kỹ thuật cơ bản
				Giao tiếp mạng: 10/100 /1000 MBs Mbitpcs Fast Ethernet/ 802.11ac/ Bluetooth Pin: 3-Cell Hệ điều hành: Win 10 home bản quyền trở lên
3	Máy tính xách tay loại 2 (chuyên dùng)	Chiếc	18.000	Bộ vi xử lý: Intel Core i5-1135G7 (8M Cache, 2.4GHz, Turbo Boost 4.2GHz) Bộ nhớ RAM: 4GB 2666Mhz DDR4 Ổ cứng: 512GB SSD Chipset: Sử dụng chipset Intel Hỗ trợ Intel® UHD Graphics Màn hình: Màn hình: 15.6" FHD Giao tiếp mạng: 10/100 /1000 MBs Mbitpcs Fast Ethernet/ 802.11ac/ Bluetooth Pin: 3-Cell Hệ điều hành: Win 10 home bản quyền trở lên
4	Máy tính xách tay loại 3 (chuyên dùng)	Chiếc	26.000	Bộ vi xử lý: Intel Core i7-1165G7 (12MB Cache, 2.8GHz, Turbo Boost 4.7GHz) Bộ nhớ RAM: 16GB 3200Mhz DDR4, Ổ cứng: 512 SSD VGA: 2GB GDDR5 Màn hình: 15.6" FHD Giao tiếp mạng: 10/100 /1000 MBs Mbitpcs Fast Ethernet/ 802.11ac/ Bluetooth Pin: 3-Cell Hệ điều hành: Win 10 home bản quyền trở lên
B	MÁY IN			
1	Máy in loại 1	Chiếc	3.500	- Loại máy in: Laser đen trắng - Khổ giấy: A4, B5, A5, LGL, LTR, Executive - Bộ nhớ: 32MB - In đảo mặt: không - Tốc độ in: 20 trang/phút (A4) - Độ phân giải: 600 x 600 dpi - Cổng giao tiếp: USB
2	Máy in loại 2	Chiếc	5.000	- Máy in Laser đơn sắc, A4/letter, in đảo mặt tự động - Tốc độ in: 30 trang/ phút (A4) - 32 trang/ phút (Letter) - Bộ nhớ: 128MB - Độ phân giải: 1200 x 1200 dpi, 1200 x 600 dpi, 600 x 600 dpi - khay giấy tiêu chuẩn: 250 tờ - khay giấy ra: 150 tờ - Giao diện kết nối: USB2.0, 10BASE-T/100BASE-TX Ethernet, IEEE802.11b/g/n (Wireless), Wi-Fi Direct
3	Máy in loại 3	Chiếc	7.000	Loại máy in laser đen trắng Bộ nhớ: 256MB

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá (nghìn)	Đặc tính kỹ thuật cơ bản
				Tốc độ in: 38 trang/phút (A4) Khô giấy: A4, A5, B5, Letter... Khay giấy ra 150 tờ In 2 mặt tự động Độ phân giải: 300 × 300dpi, 600 × 600dpi, 1200 × 1200dpi Cổng giao tiếp: USB 2.0/ LAN
4	Máy in loại 4	Chiếc	8.500	Máy in Laser đơn sắc đa chức năng, A4/letter, in đảo mặt tự động Tốc độ in: 30 trang/phút - Tính năng copy: có - Tính năng scan: có - Bộ nhớ: 256MB - Độ phân giải: 1200 x 1200 dpi, 1200 x 600 dpi, 600 x 600 dpi - Khay giấy tiêu chuẩn: 250 tờ - Khay giấy ra: 150 tờ - Giao diện kết nối: USB2.0, 10BASE-T/100BASE-TX Ethernet, IEEE802.11b/g/n (Wireless), Wi-Fi Direct, - Copy/Scan/Fax: tự động qua khay nạp bản gốc 50 tờ (ADF) - Hỗ trợ các Hệ điều hành: Win XP/7/8/8.1/10, server 2003/server 2008/server 2012 (32bit/64bit), Mac OS X, Linux
5	Máy in loại 5	Chiếc	9.500	Máy in Laser đơn sắc, A4/letter, đảo mặt tự động - Tốc độ in: 32 trang/ phút - Bộ nhớ: 128MB - Độ phân giải: 1200 x 1200 dpi, 1200 x 600 dpi, 600 x 600 dpi - Khay giấy tiêu chuẩn: 250 tờ - Khay tay: 50 tờ - Khay giấy ra: 150 tờ - Giao diện kết nối: USB2.0, 10BASE-T/100BASE-TX Ethernet, tùy chọn thêm IEEE802.11b/g/n/a.c (Wireless)
C	MÁY PHOTOCOPY			
1	Máy Photocopy loại 1	Chiếc	41.000	Máy Photocopy tốc độ 23 bản/phút (bao gồm bộ nạp và đảo) - Chức năng: Copy / in / Scan/ Network - Tốc độ Copy: 23 trang A4/phút - Bộ nhớ: 512MB - Độ phân giải copy: 600 x 600 dpi - Chức năng In mạng: Có sẵn

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá (nghìn)	Đặc tính kỹ thuật cơ bản
				<ul style="list-style-type: none"> - Độ phân giải in: 600 x 600 dpi - Giao diện kết nối in: Ethernet 100BASE-TX / 10BASE-T, USB2.0 - Chức năng Scan mạng: Có sẵn - Khổ giấy: A5 - A3
2	Máy Photocopy loại 2	Chiếc	60.000	<p>Máy Photocopy tốc độ 25 bản/ phút (bao gồm bộ nạp và đảo)</p> <p>Chức năng Copy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ copy: 25 trang/phút - Độ phân giải copy: 600 x 600 dpi - Khổ giấy: A5 - A3 <p>Chức năng In mạng: Có sẵn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ in: 25 trang A4/Phút - Độ phân giải in: 1200 x 1200 dpi <p>Chức năng quét (Scan mạng): Có sẵn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ Scan (quét) Màu/trắng đen: 55/55 (trang/phút) - Độ phân giải scan: 600 x 600 dpi - Bộ nhớ: 4GB - Ổ cứng: 128GB - Khổ giấy: A5 - A3
3	Máy Photocopy loại 3	Chiếc	75.000	<p>Máy Photocopy tốc độ 30 bản/phút (bao gồm bộ nạp và đảo)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng: Copy / in / Scan/ Network <p>Chức năng Copy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ Copy: 30 trang A4/phút - Độ phân giải copy: 600 x 600 dpi - Khổ giấy: A5 - A3 <p>Chức năng In mạng: Có sẵn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ in: 30 trang A4/Phút - Độ phân giải in: 1200 x 1200 dpi <p>Chức năng quét (Scan mạng): Có sẵn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ Scan (quét) Màu/trắng đen: 55/55 (trang/phút) - Độ phân giải scan: 600 x 600 dpi - Bộ nhớ : 4GB - Dung lượng ổ cứng: 128GB
4	Máy Photocopy loại 4	Chiếc	90.000	<p>Máy Photocopy tốc độ 45 bản/phút (bao gồm bộ nạp và đảo)</p> <p>Chức năng copy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ copy: 45 bản /phút - Khổ giấy: A5-A3 - Độ phân giải: 600 x 600dpi - Bộ nhớ: 2GB - 4GB - Ổ cứng: 128 GB <p>Chức năng in mạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ (A4): 45 trang/phút - Độ phân giải: + Chuẩn: 600 x 600dpi (mặc định)

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá (nghìn)	Đặc tính kỹ thuật cơ bản
				+ Cao: 1200 x 1200dpi Chức năng quét Scanner (Scan màu): - Độ phân giải: 600 x 600dpi. - Tốc độ scan Màu / Đen trắng: 80 / 80 (trang / phút)
D	MÁY CHIẾU			
1	Máy chiếu loại 1	Chiếc	20.000	- Công nghệ: DLP 0.55" DMD - Cường độ sáng: 3800 Ansilumens - Độ phân giải thực: SVGA (800 x 600) / Maximum: 1920 x 1200 (WUXGA) - Độ tương phản: 30.000 : 1 - Tỷ lệ khung hình hiển thị: 4:3, 16:9, 16:10 - Tuổi thọ bóng đèn: 15.000 giờ - Cổng kết nối: HDMI 1.4 x1, VGA x1, S-VIDEO x1, Audio input 3.5mm x 1, Audio output 3.5mm x 1, USB- A x 1.
2	Máy chiếu loại 2	Chiếc	25.000	- Công nghệ hiển thị: 3LCD Technology (0.63") - Cường độ sáng: 3400 Ansilumens - Độ tương phản: 16.000:1 - Độ phân giải thực: 1024 x 768 (XGA) / Maximum: Up to 4K@30Hz (3840x2160) - Tỷ lệ khung hình hiển thị: Auto, 4:3, 16:9, 15:9,16:10, Wide Zoom, Native. - Tuổi thọ bóng đèn: 15.000 giờ (Chế độ ECO) - Cổng kết nối: HDMI Input x 2, VGA Input x1, VGA Output x1 , Video RCA x 1, LAN: RJ45 x1, Audio Input x 1 , Audio Input(L/R) x 1, Audio Output x 1 RS232/D-sub 9pin (PC Control) x 1, USB- B x1 USB Type A x1 -Loa gắn trong: 16W - Cổng kết nối: HDMI, VGA, Video, RJ45, USB-A, USB -B.
3	Máy chiếu loại 3	Chiếc	30.000	- Công nghệ: DLP 0.55" DMD - Cường độ sáng: 3800 Ansilumens - Độ phân giải thực: XGA (1024 x 768) / Maximum: 1920 x 1200 (WUXGA) - Độ tương phản: 30.000 : 1 - Tỷ lệ khung hình hiển thị: 4:3, 16:9, 16:10 - Tuổi thọ bóng đèn: 15.000 giờ - Cổng kết nối: HDMI 1.4 x1, VGA x1, S-VIDEO x1, Audio input 3.5mm x 1, Audio output 3.5mm x 1, USB- A x 1

HƯỚNG DẪN TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VÀ GIÁ DỰ TOÁN
BÀN GHẾ LÀM VIỆC, TỦ ĐỰNG TÀI LIỆU MSTT ĐỢT 1 NĂM 2022
(Kèm theo Công văn số 02/STC-TT ngày 04/01/2022 của Sở Tài chính)

STT	Tên sản phẩm	Đặc tính cơ bản	ĐVT	Đơn giá (nghìn đồng)
I	Tủ tài liệu			
1	Tủ tài liệu (loại 1)	Tủ tài liệu bằng sắt, sơn tĩnh điện màu ghi. Tủ có 04 khoang đều nhau đi kèm 04 khóa. Mỗi khoang có 01 đợt chia làm 02 ngăn để tài liệu - Kích thước: (1000x450x1830)mm	Cái	3.280
2	Tủ tài liệu (loại 2)	Tủ tài liệu bằng sắt, sơn tĩnh điện màu ghi+ Bên trên có 02 khung cánh mở đi kèm 01 khóa và 02 tay nắm nhôm; 02 đợt di động chia làm 03 ngăn để tài liệu. Tủ không có kính đi kèm+ Bên dưới có 02 cánh sắt mở, có khóa và nút tay nắm ở mỗi cánh- Kích thước: (1000x450x1830)mm	Cái	4.025
3	Tủ tài liệu (loại 3)	Tủ tài liệu gỗ công nghiệp, độ dày 18 mm, sơn PU cao cấp màu nâu. Phía trên không cánh, có 02 đợt để tài liệu. Phía dưới là 02 khoang cánh mở, có đợt để tài liệu. Kích thước: (900x400x2000)mm	Cái	4.110
4	Tủ tài liệu (loại 4)	Tủ tài liệu sắt, sơn tĩnh điện màu ghi. Phần trên gồm 03 khoang, mỗi khoang cánh kính có 02 đợt di động. Phần dưới có 03 cánh sắt mở, có khóa. Mỗi cánh có 01 chìa khóa riêng biệt- Kích thước: Tủ: (1380x450x1830)mm Kính: (1027x315x3)mm	Cái	4.890
5	Tủ tài liệu (loại 5)	Tủ tài liệu gỗ công nghiệp độ dày 18 mm, hậu dày 3 mm, sơn PU cao cấp màu nâu. Phía trên 02 cánh kính có đợt để tài liệu, 01 cánh đặc. Phía dưới 02 cánh đặc, 03 ngăn kéo- Kích thước: (1350x450x2000)mm	Cái	5.750
6	Tủ tài liệu (loại 6)	Tủ tài liệu bằng sắt, sơn tĩnh điện màu ghi. Tủ tài liệu có 02 khoang cánh mở, 02 khóa. Bên trong có 03 đợt, chia làm 04 ngăn để tài liệu.- Kích thước: (1000x450x1830)mm	Cái	3.625
7	Tủ tài liệu (loại 7)	Tủ tài liệu bằng sắt, sơn tĩnh điện màu ghi- Gồm 06 khoang đều nhau, mỗi khoang có 01 cánh sắt mở, 01 tay nắm nhựa liền khóa- Kích thước: (1000x450x1830)mm	Cái	4.025

STT	Tên sản phẩm	Đặc tính cơ bản	ĐVT	Đơn giá (nghìn đồng)
8	Tủ tài liệu (loại 8)	Tủ tài liệu bằng sắt, sơn tĩnh điện màu ghi- Gồm 08 khoang đều nhau. Mỗi khoang có 01 cánh sắt mở, 01 tay nắm nhựa liền khóa- Kích thước: (762x450x1830)mm	Cái	3.910
9	Tủ tài liệu (loại 9)	Tủ tài liệu sắt, sơn tĩnh điện màu ghi.- Tủ có 12 khoang cánh sắt mở bằng nhau. Trên mỗi cánh có 1 khóa, núm tay nắm và tai khóa móc- Kích thước: (915x450x1830)mm	Cái	4.780
10	Tủ tài liệu (loại 10)	Tủ tài liệu gỗ 3 buồng. Tủ có 1 buồng cánh dài. Phía trên là 2 buồng khung cánh kính mở, Phía dưới khoang 2 cánh gỗ mở. Chân có đệm nhựa chịu lực. Chất liệu: Gỗ công nghiệp Melamine cao cấp. KT: (W1200 x D400 x H1960) mm.	Cái	2.700
11	Tủ tài liệu (loại 11)	Tủ tài liệu, tủ sắt văn phòng sơn tĩnh điện. Tủ thiết kế 2 khoang để tài liệu, Khoang trên có 2 ngăn kéo, Khoang dưới 2 cánh mở có 2 đợt di động chỉ thành 3 tầng để tài liệu. Khoang dưới có 2 cánh sắt mở, dùng khóa locker tiện dụng. KT: (W915 x D400 x H1200) mm	Cái	2.900
12	Tủ tài liệu (loại 12)	Tủ tài liệu 3 buồng gỗ công nghiệp sơn PU cao cấp. Phía trên gồm 3 khoang cánh kính để tài liệu, phía dưới có 3 ngăn kéo và 2 khoang cánh mở. KT: (W1350 x D420 x H2000) mm	Cái	7.000
II	Bàn làm việc			
1	Bàn làm việc kiểu dáng 1	Bàn làm việc gỗ công nghiệp màu ghi trắng ghi chì, mặt bàn dày 25mm, còn lại dày 18mm, hộc liền 01 ngăn kéo 01 cánh mở, KT:(1800x900x760)mm	Cái	2.160
2	Bàn làm việc kiểu dáng 2	Bàn làm việc gỗ công nghiệp phủ melamine, mặt bàn dày 25mm, còn lại dày 18mm, hộc liền sát đất, KT:(1400x700x750)mm	Cái	2.400
3	Bàn làm việc kiểu dáng 3	Bàn làm việc gỗ công nghiệp phủ sơn PU, mặt bàn hình chữ nhật dày 60mm, một bên có hộc liền để tài liệu, KT:(1200x700x760)mm	Cái	2.580
4	Bàn làm việc kiểu dáng 4	Bàn làm việc gỗ công nghiệp phủ melamine, mặt bàn dày 25mm, 02 hộc liền sát đất, KT:(1600x700x750)mm	Cái	3.300
5	Bàn làm việc kiểu dáng 5	Bàn làm việc gỗ công nghiệp phủ sơn PU, mặt bàn hình chữ nhật dày 60mm, một bên có hộc liền để tài liệu, KT:(1400x700x760)mm	Cái	3.420

STT	Tên sản phẩm	Đặc tính cơ bản	ĐVT	Đơn giá (nghìn đồng)
6	Bàn làm việc kiểu dáng 6	Bàn làm việc gỗ công nghiệp phủ sơn PU, mặt bàn dày 60mm, một bên có hộc liền 1 ngăn kéo 1 cánh mở, khoang CPU và ngăn kéo. Bàn có bàn phím, KT:(1600x800x760)mm	Cái	4.680
7	Bàn làm việc kiểu dáng 7	Bàn làm việc gỗ công nghiệp phủ sơn PU, mặt bàn dày 70mm, (giá chưa bao gồm hộc và tủ phụ) KT:(1800x900x760)mm	Cái	5.820
8	Bàn làm việc kiểu dáng 8	Bàn lãnh đạo gỗ veneer sơn PU cao cấp mặt chữ nhật.KT bàn: (R2000xS1000xC760) mm . Hộc di động veneer kết hợp Melamine mặt trong KT: (R400xS500xC620)	cái	10.000
9	Bàn làm việc kiểu dáng 9	Bàn lãnh đạo cao cấp sử dụng chất liệu Veneer kết hợp Melamine KT bàn: (R2000xS1000xC760) mm . Hộc di động veneer kết hợp Melamine mặt trong KT: (R400xS500xC620) mm	cái	8.000
10	Bàn làm việc kiểu dáng 10	Bàn lãnh đạo gỗ công nghiệp sơn PU cao cấp mặt chữ nhật, có tấm PVC trang trí KT bàn: (R2000xS1000xC760) mm . Hộc di động sơn pu KT: (R400xS500xC620) mm	cái	7.000
11	Bàn giáo viên có hộc	-Bàn giáo viên: Mặt bàn, mặt ghế bằng gỗ công nghiệp MFC phủ Melamine. Mặt bàn dày 18mm, hộc liền cánh mở, khung ống thép 25x25 độ dày 0,8mm sơn tĩnh điện Kích thước bàn: (1200x600x750)mm	Cái	1.950
12	Bàn giáo viên mầm non	Mặt bàn bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Chân bàn thép sơn tĩnh điện, kích thước mặt bàn khoảng (950x500)mm, chiều cao khoảng 550mm, đảm bảo chắc chắn.	Cái	420
III	Ghế làm việc			-
1	Ghế làm việc kiểu dáng 1	Ghế xoay nhân viên, bọc vải, chân nhựa có tay, có bánh xe. KT:(560x540x900-1025)mm	Cái	800
2	Ghế làm việc kiểu dáng 2	Ghế làm việc gỗ tự nhiên, ghế có 4 chân tĩnh, tựa ghế có nan bán rộng. KT:(430x520x1050)mm	Cái	880
3	Ghế làm việc kiểu dáng 3	Ghế làm việc khung gỗ tự nhiên phủ sơn PU, đệm tựa bọc nỉ, KT:(420x550x1031)mm	Cái	960

STT	Tên sản phẩm	Đặc tính cơ bản	ĐVT	Đơn giá (nghìn đồng)
4	Ghế làm việc kiểu dáng 4	Ghế xoay lưới . Chân tay ghế bằng nhựa. Ghế có khung tựa nhựa bọc lưới chịu lực. Đệm ghế mút bọc vải lưới xốp. Ghế xoay có bánh xe di chuyển. KT: 590x540x925-1050 mm	Cái	1.160
5	Ghế làm việc kiểu dáng 5	Ghế xoay lưng cao đệm tựa liền khối, chân tay bằng nhựa, đệm tựa ốp tay ghế bằng da công nghiệp, KT: (640x670x1115-1240)mm	Cái	1.570
6	Ghế làm việc kiểu dáng 6	Ghế lãnh đạo có đệm tựa bọc da công nghiệp, chân tay ghế bằng nhựa, có bánh xe dễ di chuyển, trung cần hơi điều chỉnh độ cao thấp của ghế, KT:(620x710x1115-1240) mm	Cái	2.270
7	Ghế làm việc kiểu dáng 7	- Quy cách: Ghế gỗ kiểu 03 nan khung gỗ tự nhiên mặt veneer - KT: (400 x 400 x 450-1000) mm	Cái	780
8	Ghế làm việc kiểu dáng 8	Ghế lãnh đạo cao cấp đệm tựa bọc PVC Chân tay gỗ sơn KT: R700xS(810)xC(1155-1210) mm	Cái	5.000
9	Ghế làm việc kiểu dáng 9	Ghế lãnh đạo có đệm tựa bọc PVC KT: R650xS(700)xC(1120-1200) mm	Cái	4.000
10	Ghế làm việc kiểu dáng 10	Ghế lãnh đạo có đệm tựa bọc PVC KT: R640xS(740)xC(1120-1200) mm	Cái	3.000
11	Ghế gấp 8	- Ghế gấp mặt ngồi tròn khung inox 304 độ dày 0,8mm, đệm PVC kẻ đen trắng - KT: (440x475x980) mm	Cái	580
12	Ghế gấp 9	- Ghế gấp khung inox 304 độ dày 0,8mm đệm tựa bọc PVC màu xanh - KT: (470x515x890) mm	Cái	640
13	Ghế giáo viên	Ghế giáo viên: Ghế sắt hộp sơn tĩnh điện. Mặt ghế, tựa ghế bằng gỗ công nghiệp 18mm phủ Melamine màu vân gỗ thước: Kích thước ghế: (450x450x450-900)mm	Bộ	410
10	Ghế giáo viên mầm non	Mặt ghế, chân ghế bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Kích thước mặt ghế khoảng (320x320)mm, chiều cao khoảng 350mm, đảm bảo chắc chắn.	Cái	200
IV	Bàn máy tính			-
1	Bàn máy tính kiểu dáng 1	Bàn bằng gỗ công nghiệp MFC phủ Melamine màu vàng, mặt bàn dày 18mm. Bàn có ngăn kéo có khóa, bàn phím và giá để CPU. Chân bàn chữ C, có bánh xe di động- Kích thước: (1196x590x765)mm	Cái	1.260

STT	Tên sản phẩm	Đặc tính cơ bản	ĐVT	Đơn giá (nghìn đồng)
2	Bàn máy tính kiểu dáng 2 (Bàn máy tính phòng đọc)	Khung sắt sơn tĩnh điện, khung sắt hộp 25x25x0,8(mm). Mặt bàn bằng gỗ công nghiệp MFC phủ Melamine.- Bàn máy dành cho 02 người, có vách gỗ ngăn cách các khoang, ngăn kéo bàn phím bằng gỗ có thể di động, yếm dài sát đất.- Mặt bàn dày 18mm, vách dày 18mm, ngăn và yếm bàn dày 12mm.- Kích thước: (1200x500x1200)mm	Cái	1.560
3	Bàn máy tính kiểu dáng 3	Bàn máy tính bằng gỗ công nghiệp MDF, phủ Laminate chống trầy xước, chống thấm nước. Mặt bàn dày 25mm. Cạnh bàn uốn cong. Giữa mặt bàn và chân bàn sử dụng giá đỡ mặt bàn.- Bàn có khay treo để bàn phím, ngăn kéo và hộc cánh mở có khóa.- Kích thước: (1200x700x750)mm	Cái	3.300
4	Bàn máy tính kiểu dáng 4	Bàn máy tính gỗ công nghiệp MFC phủ Melamine, màu ghi trắng ghi chì. Mặt gỗ dày 25mm, có nẹp bo. Chân bàn và yếm màu xám chì, dày 18mm- Bàn có 01 ngăn kéo, 01 khoang để CPU và 01 khay để bàn phím.- Kích thước: (1200x600x750)mm	Cái	1.740

HƯỚNG DẪN TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VÀ GIÁ DỰ TOÁN
BÀN GHẾ HỌC SINH MSTT ĐỢT 1 NĂM 2022 (DỰ THẢO)
 (Kèm theo Công văn số 02 /STC-TT ngày 04 /01/2022 của Sở Tài chính)

STT	Tên sản phẩm	Đặc tính cơ bản	ĐVT	Đơn giá (nghìn đồng)
1	Bàn cho trẻ Từ 3 tháng-36 tháng tuổi	Mặt bàn, chân bàn bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Kích thước mặt bàn khoảng (800x450)mm, chiều cao khoảng 450mm, đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	400
2	Ghế cho trẻ Từ 3 tháng-36 tháng tuổi	Mặt bàn, chân bàn bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Kích thước mặt ghế khoảng (250x250x)mm, chiều cao khoảng 250mm, hai bên có tay vịn đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	150
3	Bàn cho trẻ Từ 3 tuổi đến 6 tuổi	Mặt bàn, chân bàn bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Kích thước khoảng (900x480)mm, chiều cao khoảng 460mm, đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	400
4	Ghế cho trẻ 3 tuổi đến 6 tuổi	Mặt bàn, chân bàn bằng nhựa chịu nước, chịu lực. Kích thước mặt ghế khoảng (260x260), chiều cao khoảng 260mm, đảm bảo chắc chắn, an toàn.	Cái	150
5	Bàn ghế học sinh tiểu học	Bộ bàn ghế học sinh tiểu học, bàn ghế rời bằng gỗ cao su ghép thanh. Một bộ gồm 01 bàn 02 chỗ ngồi và 02 ghế đơn. Ghế có tựa sau lưng. Khung bàn và khung ghế bằng sắt sơn tĩnh điện, sắt hộp 25x25x0,8(mm) và giằng 20x20x0,8 (mm). Mặt bàn và mặt ghế, tựa ghế dày 18mm- Kích thước bàn: (1200x400x670)mm- Kích thước ghế: (340x340x(370x650))mm	Bộ	1.200
6	Bàn ghế học sinh THCS	Bộ bàn ghế học sinh THCS 02 chỗ, bàn ghế rời. Một bộ gồm 1 bàn 02 chỗ ngồi và 02 ghế đơn. Ghế có tựa sau lưng- Khung bàn và khung ghế bằng sắt hộp sơn tĩnh điện 25x25x0,8 (mm) và giằng 20x20x0,8 (mm), mặt bàn và mặt ghế bằng gỗ cao su tự nhiên ghép thanh dày 18mm- Kích thước bàn: (1200x400x720-730)mm- Kích thước ghế: (340x340x(420x700))mm	Bộ	1.260
7	Bàn ghế học sinh THPT	Bộ bàn ghế học sinh THPT 2 chỗ bàn ghế rời. Một bộ gồm 1 bàn 2 chỗ ngồi và 2 ghế đơn. Ghế có tựa sau lưng. Khung bàn và khung ghế bằng sắt hộp sơn tĩnh điện 25x25x0,8(mm) và giằng 20x20x0,8 (mm), mặt bàn và mặt ghế bằng gỗ cao su tự nhiên ghép thanh dày 18mm. KT bàn: 1200x400x750 (mm) KT Kghế: 360x360x(450x730)(mm)	Bộ	1.380
8	Bàn ghế học sinh bán trú tiểu học loại 1	Bàn bán trú liền ghế bằng gỗ công nghiệp MFC. Mặt bàn dày 18mm, có mặt lật thành giường, rộng 400mm/1 mặt.- Khung bàn ghế được làm bằng sắt hộp sơn tĩnh điện 25x25x0,8(mm) và giằng 20x20x0,8(mm). Ngăn bàn dày 9mm- Kích thước: (1200x400x670)mm	Bộ	1.404
9	Bàn ghế học sinh bán trú tiểu học 2	Bàn bán trú liền ghế. Mặt bàn, mặt ghế bằng gỗ cao su ghép thanh, mặt bàn dày 18mm, có mặt lật thành giường, rộng 450mm/mặt- Khung bàn ghế được làm bằng sắt hộp sơn tĩnh điện 25x25x0,8(mm) và giằng 20x20x0,8(mm), ngăn bàn dày 9mm- Kích thước: (1200x450x680)mm	Bộ	2.400

**HƯỚNG DẪN TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VÀ GIÁ DỰ TOÁN THIẾT BỊ
VÀ ĐỒ CHƠI NGOÀI TRỜI CHO GIÁO DỤC MÀM NON MSTT ĐỢT 1 NĂM 2022**
(Kèm theo Công văn số 02/STC-TT ngày 04/01/2022 của Sở Tài chính)

STT	TÊN, ĐẶC ĐIỂM TÀI SẢN (Theo Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (Nghìn đồng)
	DÙNG CHO NHÀ TRẺ		
I	Bập bênh		
1	Bập bênh đơn (MNNT1301) Loại vật liệu bền vững khi sử dụng ngoài trời, thân là hình các con vật, có tay cầm và chỗ để chân, có 1 chỗ ngồi, kích thước chỗ ngồi phù hợp với lứa tuổi nhà trẻ và cách mặt đất tối đa 200mm. Có đế cong, đảm bảo an toàn, chắc chắn, chống lật ngang, lật dọc và chống kẹp chân. - Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước: (D660xR290xC430) mm	Cái	950
2	Bập bênh đôi (MNNT1302) Loại vật liệu bền vững khi sử dụng ngoài trời, thân là hình các con vật, có tay cầm và chỗ để chân, có 2 chỗ ngồi, kích thước chỗ ngồi phù hợp với lứa tuổi nhà trẻ và cách mặt đất tối đa 200mm. Có đế cong đảm bảo an toàn, chắc chắn chống lật ngang, lật dọc và chống kẹp chân. - Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước: (D1070xR330xC440) mm	Cái	1.650
II	Thú nhún		
3	Con vật nhún di động (MNNT1303) Loại vật liệu bền vững khi sử dụng ngoài trời, có hình dáng là các con vật, có tay cầm và chỗ để chân. Chỗ ngồi có kích thước phù hợp với lứa tuổi nhà trẻ và cách mặt đất tối đa 400mm. Hệ thống khung được kết cấu kiểu khớp nối để khi nhún xuống con vật chuyển động về phía trước. Đảm bảo an toàn, chắc chắn, chống lật ngang, lật dọc và chống kẹp chân. - Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước: (D650xR300xC720) mm	Cái	5.500
4	Con vật nhún lò xo (MNNT1304) Loại vật liệu bền vững khi sử dụng ngoài trời, có hình dáng là các con vật, có tay cầm và chỗ để chân. Chỗ ngồi có kích thước phù hợp với lứa tuổi nhà trẻ và cách mặt đất tối đa 400mm. Được gắn trên lò xo nhún có đế chắc chắn. Đảm bảo an toàn, chắc chắn, chống lật ngang, lật dọc và chống kẹp chân. - Xuất xứ: Việt Nam - KT: (D800xR500xC600) mm	Cái	2.650
5	Con vật nhún khớp nối - Song Mã (MNNT1305) Loại vật liệu bền vững khi sử dụng ngoài trời, có hình dáng là các con vật, có tay cầm và chỗ để chân. Chỗ ngồi có kích thước phù hợp với lứa tuổi nhà trẻ và cách mặt đất tối đa 400mm. Hệ thống khung được kết cấu kiểu khớp nối để có thể nhún lên xuống tại chỗ. Đảm bảo an toàn, chắc chắn, chống lật ngang, lật dọc và chống kẹp chân. - Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước: (D1000xR1000xC800) mm.	Cái	7.000
III	Xích đu		

STT	TÊN, ĐẶC ĐIỂM TÀI SẢN (Theo Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (Nghìn đồng)
6	Xích đu sàn lắc - Đu treo xe buýt 5 chỗ (MNNT1306) Loại vật liệu bền vững khi sử dụng ngoài trời, có tối thiểu 4 chỗ ngồi, có tay vịn và được gắn chắc chắn trên sàn, kích thước chỗ ngồi phù hợp với lứa tuổi nhà trẻ. Sàn cách mặt đất khoảng 200mm, được treo trên hệ thống giá đỡ để sàn có thể di chuyển theo hướng dọc. Hệ thống xích đu đảm bảo an toàn, chắc chắn chống lật ngang, lật dọc và chống kẹp chân. - Xuất xứ: Việt Nam - Kích Thước: (D3000xR1500xC1700) mm	Cái	12.500
IV	Cầu trượt		
7	Cầu trượt đơn loại 1 (MNNT1307) Loại vật liệu bền vững khi sử dụng ngoài trời, lòng máng trượt có kích thước khoảng 350mm, chiều cao thành máng trượt khoảng 150mm. Một đầu máng đặt cao cách mặt đất khoảng 1200mm, có tay vịn tại khu vực xuất phát; đầu máng tiếp đất có đoạn giảm tốc độ trượt; mặt phẳng máng trượt tạo với mặt đất 1 góc tối đa 450, có cầu thang lên sàn để trượt. Khoảng cách giữa các bậc thang tối đa 150mm, chiều rộng của bề mặt cầu thang tối đa là 150mm. Đảm bảo an toàn, chắc chắn khi sử dụng. - Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước: (D4200xR2100xC3300) mm	Cái	25.000
8	Cầu trượt đơn loại 2 (MNNT1307) Loại vật liệu bền vững khi sử dụng ngoài trời, lòng máng trượt có kích thước khoảng 350mm, chiều cao thành máng trượt khoảng 150mm. Một đầu máng đặt cao cách mặt đất khoảng 1200mm, có tay vịn tại khu vực xuất phát; đầu máng tiếp đất có đoạn giảm tốc độ trượt; mặt phẳng máng trượt tạo với mặt đất 1 góc tối đa 450, có cầu thang lên sàn để trượt. Khoảng cách giữa các bậc thang tối đa 150mm, chiều rộng của bề mặt cầu thang tối đa là 150mm. Đảm bảo an toàn, chắc chắn khi sử dụng. - Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước: (D2850xR2100xC3000) mm	Cái	25.000
9	Cầu trượt đơn loại 3 (MNNT1307) Loại vật liệu bền vững khi sử dụng ngoài trời, lòng máng trượt có kích thước khoảng 350mm, chiều cao thành máng trượt khoảng 150mm. Một đầu máng đặt cao cách mặt đất khoảng 1200mm, có tay vịn tại khu vực xuất phát; đầu máng tiếp đất có đoạn giảm tốc độ trượt; mặt phẳng máng trượt tạo với mặt đất 1 góc tối đa 450, có cầu thang lên sàn để trượt. Khoảng cách giữa các bậc thang tối đa 150mm, chiều rộng của bề mặt cầu thang tối đa là 150mm. Đảm bảo an toàn, chắc chắn khi sử dụng. - Xuất xứ: Việt Nam - KT: (D2800xR700xC1500) mm	Cái	15.000
10	Cầu trượt đôi loại 1 (MNNT1308) Loại vật liệu bền vững khi sử dụng ngoài trời, có 2 máng trượt, lòng máng trượt có kích thước khoảng 350mm, chiều cao thành máng trượt khoảng 150mm. Một đầu máng đặt cao cách mặt đất khoảng 1200mm, có tay vịn tại khu vực xuất phát; đầu máng tiếp đất có đoạn giảm tốc độ trượt; mặt phẳng máng trượt tạo với mặt đất 1 góc tối đa 450, có cầu thang lên sàn để trượt. Khoảng cách giữa các bậc thang tối đa 150mm, chiều rộng của bề mặt cầu thang tối đa là 150mm. Đảm bảo an toàn, chắc chắn khi sử dụng. - Xuất xứ: Việt Nam - Kích thước: (D2300xR2100xC1700) mm	Cái	20.500